

# TỪ VÕ LÝ ĐẾN CHIẾN THUẬT

## ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG

Thừa lệnh vua Càn Long, Tôn Sĩ Nghị đem 20 vạn quân sang chiếm nước ta. Trong chiến dịch đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã đem võ lý vào chiến thuật một cách khoa học và sáng tạo.

### 1 - Thế phục hồi:

Trong võ lý, thời gian ra thế võ cần phải cân bằng với thời gian nghỉ ngơi, gọi là thế phục hồi. Chính nhờ có phương pháp lấy lại sức lực, nên cuộc đấu võ có thể kéo dài hàng giờ. Với võ Bình Định, nếu đánh bằng roi, thế phục hồi được gọi là “đứng chong roi”; nếu đánh bằng tay, gọi là “đứng ngựa.” Tiếng là nghỉ ngơi, nhưng đúng ra là cách đứng để vừa được nghỉ, vừa đón đối thủ xông tới; hoặc đứng để nghỉ, vừa chọn thế trận tốt nhất tấn công đối phương. Vì vậy, trong thế nghỉ, võ sĩ không bao giờ đứng thẳng 180 độ, mà khủy đầu gối và khủy tay hơi co lại trong thế thủ, người hơi khom, thu mình lại để toàn thân được bảo vệ.



H 1: Lễ Đống Đa tại Kiên Mỹ, Bình Định, 1972,

*biểu diễn thế võ phục hồi trong quân đội Tây Sơn.  
(Ảnh: cuongde.org)*

Thế thì, binh sĩ Tây Sơn trong cuộc hành quân thần tốc cả ngày lẫn đêm, vua Quang Trung đã làm thế nào tận dụng thế phục hồi trong võ lý?

Nhìn lại sự kiện lịch sử, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, có đoạn chép: “Ngày 20 tháng ấy (tháng 11 năm Mậu Thân) Sở lui về Tam Điệp, thì ngày 24 Tuyết đã vào đến thành Phú Xuân. Bắc Bình Vương tiếp được tin báo, giận lắm, liền họp các tướng sĩ, định thân chinh cầm quân đi ngay. Nhưng các người đến họp đều nói:

- Chúa công với vua Tây Sơn có sự hiềm khích, đối với ngôi chí tôn, lòng tôn phò của mọi người chưa thật vững bền, nay nghe quân Thanh sang đánh, càng dễ sinh ra ngờ vực hai lòng. Vậy xin trước hết hãy chính vị hiệu, ban lệnh ân xá khắp trong ngoài, để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người, rồi sau sẽ cất quân ra đánh dẹp cõi Bắc cũng chưa muộn.

Bắc Bình Vương lấy làm phải, bèn cho đắp đàn ở trên núi Bân, tế cáo trời đất cùng các thần sông, thần núi; chế ra áoicorn mũ miện, lên ngôi Hoàng Đế, đổi năm thứ 11 niên hiệu Thái Đức của vua Tây Sơn Nguyễn Nhạc làm năm đầu niên hiệu Quang Trung. Lễ xong, hạ lệnh xuất quân. Hôm ấy, nhằm vào ngày 25 tháng chạp (đúng ra tháng 11) năm Mậu Thân (1788)...” [1].



*H 2: Tượng đài Hoàng Đế Quang Trung  
trên núi Bân, thành phố Huế.  
(Ảnh trên mạng)*

Cũng theo sử, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22- 12- 1788) Quang Trung tế Nam Giao và lên ngôi Hoàng Đế, ở núi Bân, còn gọi là Bàn Sơn (ở phía

Nam núi Ngự Bình), thuộc thành phố Huế [2]. Ngày 29 tháng 11 năm Mậu Thân, nhà vua cùng đại binh có mặt tại Nghệ An, và ở lại 10 ngày để tuyển binh thêm. Rồi ngày 20 tháng 12 năm Mậu Thân (15- 1- 1789), đại binh đến đèo Tam Điệp (ranh giới Thanh Hóa và Ninh Bình). Đường xa, di chuyển thần tốc 24/24 giờ mỗi ngày, Quang Trung ứng dụng một cách sáng tạo về nguyên tắc phục hồi trong võ thuật, nên đại quân không bị kiệt sức. Nhà vua chia quân ra từng tổ ba người, cứ hai người võng 1 người, luân phiên nhau. Trong cuộc hành quân, không một phút dừng chân, mỗi binh sĩ vẫn có được 1/3 thời gian nằm ngủ trên võng. Sức lực được phục hồi, khiến quân không mệt, tinh thần không sa sút, trong cuộc chuyển quân từ Thuận Hóa ra Bắc.



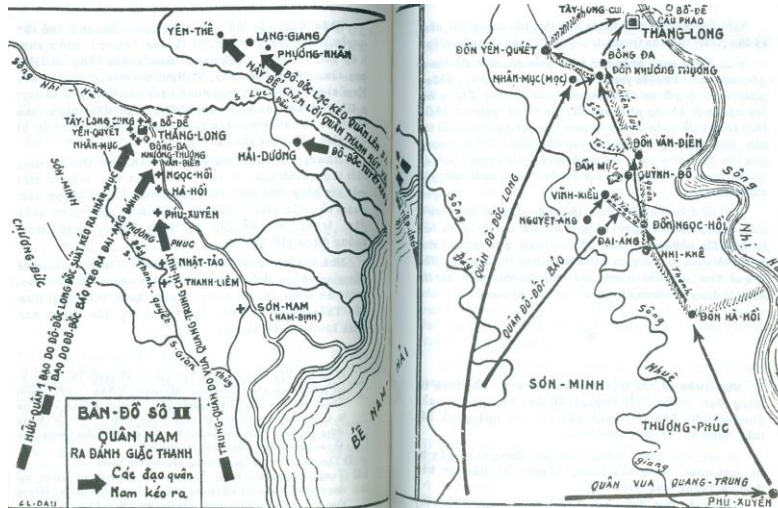
H 3: Lễ Đống Đa tại Kiên Mỹ, Bình Định, 1972.  
(Ảnh: cuongde.org)

## 2 - Thế đâm so đũa:

Trước khí thế mạnh như vũ bão của quân Thanh, ngày 21 tháng 11 năm Mậu Thân (18- 12- 1788), Tư mã Ngô Văn Sở cho rút quân về đèo Tam Điệp để bảo toàn lực lượng. Thăng Long bị bỏ ngỏ, quân Thanh tiến sâu vào nước ta như vào chỗ không người. Quang Trung rành võ lý, biết lợi dụng cơ hội ấy để thanh toán chiến trường. Đó là thế phản công, trong võ thuật gọi là “đâm so đũa” mà chỉ có các bậc cao thủ mới dám sử dụng độc chiêu này.

Phàm khi đối thủ phóng ngọn roi đâm ta, tay trước vừa hướng đầu roi đến đích vừa che chở thân mình, tay sau lái đốc roi đồng thời bảo vệ phần nách phải nghiêng về phía trước. Nhưng lúc mũi roi đang nhắm vào ngực ta lao tới, tức thì có một vùng nhỏ dưới đầu roi của đối thủ bị che khuất, gọi là điểm mù. Ta phải lợi dụng kẽ hở trong khoảnh khắc ấy, lườn roi ta song song và ngược chiều với roi đối thủ để đâm vào nách hắn. Bởi không thấy, nên đối thủ không né

tránh, chắc chắn đầu roi của ta sẽ vào đến mục tiêu. Còn đầu roi của đối thủ ta đã thấy, khi nó chưa đến ngực, ta đã xoay nghiêng mình, đưa đốc roi từ dưới vòng lên, gạt mũi roi của đối thủ bật ra ngoài. Áp dụng võ lý một cách vững vàng, Quang Trung ban lệnh tiến quân.



H 4: Sơ đồ hành quân đại phá giặc Thanh.  
(Hoa Bằng, Quang Trung Nguyễn Huệ, tr. 200 & 201)

- Hữu quân [3] cùng thủy quân, giao cho Đại Đô đốc Lộc và Đô đốc Tuyệt đi đường biển, theo sông Lục Đầu tràn lên đất liền. Cánh quân của Tuyệt đổ bộ Hải Dương, tiếp ứng cho mặt trận miền Đông. Cánh quân của Lộc tràn lên Bắc Ninh và Bắc Giang, đóng chốt từ Yên Thế đến Lạng Giang, Phụng Nhãn, chặn đường về của giặc.

- Tả quân kiêm lĩnh đội kỵ binh và tượng binh, giao cho Đại Đô đốc Bảo và Đô đốc Long [4], đi bọc đường núi đánh tạt cạnh sườn vào phòng tuyến địch. Cánh quân của Bảo dùng tượng binh từ huyện Sơn Minh [5], đánh vào các căn cứ địch ở xã Đại Áng [6]. Cánh quân của Long, vòng lên hạ các trại giặc tại huyện Chương Đức [7], rồi đâm thủng phòng tuyến ở làng Nhân Mục [8], tiến đến Khương Thượng [9] tiêu diệt quân của Sâm Nghi Đống đóng ở chùa Bộc, cách Đống Đa chừng 200 mét.

- Còn chính nhà vua thống lĩnh đại binh, gồm ba doanh: Tiền, Trung, Hậu quân. Tư mã Sở và Nội hầu Lân làm mũi nhọn xung kích. Đám tân binh Nghệ An sung vào Trung quân do nhà vua trực tiếp chỉ huy. Hậu quân do Hồ Hồ hầu (không rõ tên họ, chỉ biết ông có tước hầu và làm đến Đô đốc) thủ vai đốc chiến và đề phòng tập hậu.

Điều quân lanh như đầu roi đâm so đũa, ngày 30 mươi Tết (25- 1- 1789), đại quân của Quang Trung vượt bến đò Gián Khuất, còn gọi là Gián Thủy (huyện Gia Viễn, Ninh Bình), ngược chiều tiến quân của giặc, lần lượt hạ các đồn



Gián Khẩu (đêm 30 Tết), Nguyệt Quyết (huyện Thanh Liêm, Hà Nam), Nhật Tảo (huyện Duy Tiên, Hà Nam), Phú Xuyên (Hà Đông, bắt sống toàn bộ toán quân thám thính), Hà Hồi [10], Ngọc Hồi [11], Văn Điển, Khương Thượng, Đống Đa [12].

Và khoảng 4 giờ chiều mừng 5 Tết Kỷ Dậu (31- 1- 1789), Hoàng đế Quang Trung trong chiến bào sạm đen màu thuốc súng cùng với 80 thớt voi làm lá chắn, ung dung tiến vào thành Thăng Long sớm hơn hạn định 2 ngày, mà Vua đã hứa trước ba quân ngày 20 tháng chạp (15- 1- 1789).



H 5: Lễ Đống Đa tại ấp Kiên Mỹ (Bình Định), thập niên 1960. (Ảnh: cuongde.org)

### 3 - Thế lăn khiên:

Lại khi tiến chiếm đồn Ngọc Hồi, rạng ngày mùng 5 Tết, quân Tây Sơn huy động hơn 100 thớt voi dàn hàng ngang như một đoàn thiết giáp, tiến về mục tiêu. Giặc cố thủ trong đồn, được ưu thế có thành lũy kiên cố, có chông sắt cắm dày kịt, có chỗ ẩn núp an toàn và bắn tên đạn như cát vãi.

Vua Quang Trung bèn cho dùng phen gỗ quăn rom nhào với đất bùn, làm lá chắn ngăn tên đạn. Kỹ thuật này tức là đưa môn “binh khí lăn khiên” trong võ thuật vào chiến thuật. Nhưng lăn khiên trong võ thuật chỉ dành cho cá nhân, tay phải cầm vũ khí để đâm chém đối thủ, tay trái cầm lăn khiên để che chắn thân thể. Còn lăn khiên mà Quang Trung đem vào trận mạc lại dùng cho tập thể. Cứ 10 người lưng giắt đoạn đao, chung nhau vác dựng đứng một tấm lăn khiên, mặt bện rom quay về phía địch, theo sau là 20 kinh binh võ trang đầy đủ sẵn sàng chiến đấu theo nguyên tắc công thủ song hành.



H 6: Tranh vẽ đội hình quân Tây Sơn dùng tấm lá chắn ngăn tên đạn khi xung phong vào đồn Ngọc Hồi.  
(Ảnh từ Website TSBD Bắc Cali)

Các lần khiên dàn hàng chữ nhất tiến vào đồn, làm vô hiệu hóa hỏa lực của địch quân. Khi đến sát đồn, các lần khiên được sử dụng như tấm đệm trải lên chông, tạo lối đi an toàn cho quân hãm thành tiến vào như nước vỡ bờ. Quân ta đánh giáp lá cà, dùng đoàn đao qua các thế võ để giải quyết chiến trường.

Trích Đoạn 7, Chương VI,  
Trong tập *Sắc Hương Quê Nhà*  
**ĐÀO ĐỨC CHƯƠNG**

## GHI CHÚ

[1] Ngô Gia Văn Phái; *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, bản dịch của Nguyễn Đức Vân & Kiều Thu Hoạch (Hà Nội, nxb Văn Học, 2001); trang 371 và 372.

[2] Núi Bàn, theo Ngô Gia Văn Phái; *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch (Hà Nội, nxb Văn Học, 2001); trang 372: Núi Bàn ở địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên. Nay thuộc xứ Cồn Mô, thôn Tứ Tây, xã Thủy An, thành phố Huế (Thừa Thiên Huế). Núi Bàn cao 43,75 m, cách cố đô Huế trên 3 km, phía Đông cận núi Ngự Bình, phía Tây và Bắc giáp thôn Trường Côi (xã Thủy Bằng), phía Nam là khu nhà dân ở làng Tứ Tây.

Theo số liệu đo đạc hiện hành: Núi Bân, cao 43,92 mét, diện tích 80.956 m<sup>2</sup>, thời nhà Nguyễn thuộc địa phận xã An Cựu, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên; nay là phường An Tây, thành phố Huế.

[3] Trần Trọng Kim; *Việt Nam Sử Lược*, in lần thứ 7 (Sài Gòn, Tân Việt, 1964); trang 372 chép là “Hữu quân.”

Hoa Bằng; *Quang Trung Nguyễn Huệ* (Hà Nội, Tri Tân, 1944; Glendale CA, Đại Nam tái bản); trang 189 chép là “Tả quân”, và trái lại.

[4] Trần Trọng Kim, cùng một chỗ, chép là “Đô đốc Mưu.”

[5] Huyện Sơn Minh có từ đời Trần, thời Minh thuộc (1407 - 1427) đổi là Sơn Định, đời Hậu Lê lấy lại tên cũ và huyện này thuộc phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam Thượng. Đời Nguyễn, năm 1814, cải thành huyện Sơn Lãng, phủ Ứng Hòa. Năm 1831, thuộc tỉnh Hà Nội. Năm 1904, thuộc tỉnh Hà Đông; nay là huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây.

[6] Làng Đại Áng, nguyên là Đại Đám nên có tên tục làng Đám, thuộc tổng Vĩnh Hưng Đặng, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng. Năm 1831, cải tổ hành chánh từ Quảng Trị ra Bắc, bỏ trấn lập tỉnh, Đại Áng thuộc tỉnh Hà Nội. Năm 1904, làng này thuộc tổng Vĩnh Ninh, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Tháng 5 năm 1961, huyện Thanh Trì thuộc ngoại thành Hà Nội, trong đó có thôn Đại Áng, một trong bốn thôn của xã Đại Áng, và xã này là một trong 26 xã của huyện Thanh Trì.

[7] Huyện Chương Đức thuộc phủ Ứng Thiên, trấn Sơn Nam Thượng. Năm 1831, thuộc tỉnh Hà Nội. Tháng 5 năm 1888, Đồng Khánh chia Chương Đức làm hai huyện là Chương Mỹ và Yên Đức, thuộc phủ Mỹ Đức, tỉnh Hà Nội. Năm 1904, thuộc tỉnh Hà Đông, nay Hà Đông và Sơn Tây hợp thành tỉnh Hà Tây.

[8] Nhân Mục, một làng cổ ở phía Tây Nam thành Thăng Long vào thời Lê, tục gọi là làng Mọc, thuộc tổng Khương Đình, huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng. Địa bàn làng Nhân Mục xưa rất rộng, nay là đất của phường Thượng Đình, phường Thanh Xuân Bắc (quận Đống Đa) và xã Nhân Chính (huyện Từ Liêm), thuộc thành phố Hà Nội.

[9] Làng Khương Thượng ở huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên, thành Thăng Long đời Lê Thánh Tông niên hiệu Quang Thuận (1460 - 1469). Năm 1805, Gia Long đổi thành huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức. Sau thuộc xã Khương Đình, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông. Năm 1981, Khương Thượng là một trong 26 phường của quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

[10] Hà Hồi là tên làng xã Hà Hồi, tổng Hà Hồi, huyện Thượng Phúc, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng; thời nhà Nguyễn thuộc tỉnh Hà Nội. Cách trung tâm thành phố Hà Nội chừng 20 km về phía Nam.

[11] Ngọc Hồi là tên làng, ở huyện Thanh Trì, phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam Thượng. Nay thuộc ngoại thành Hà Nội, nằm trên Quốc lộ 1, và cách trung tâm thành phố 12 km về phía Nam.

[12] Đống Đa thuộc làng Khương Thượng, tổng Hạ, huyện Quảng Đức, phủ Phụng Thiên (đời Lê); sau là huyện Vĩnh Thuận, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Nội (đời Nguyễn). Nay thuộc quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Nơi đây, năm 1789, quân Thanh chết trận quá nhiều, chôn không xuể, người ta phải thu nhặt xác, chất thành từng đống, rồi đắp đất vun lên, làm thành 12 cái gò, gọi là Gò Đống Đa.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ĐINH XUÂN VINH; *Sổ Tay Địa Danh Việt Nam*; Hà Nội, nxb Lao Động, 1996.
- HOA BẰNG; *Quang Trung Nguyễn Huệ* (Hà Nội, nxb Tri Tân, 1944); Glendale CA, Đại Nam tái bản, không ghi năm.
- HOÀNG CƠ THỤY; *Việt Sử Khảo Luận*, Cuốn 2; Paris, nxb Nam Á, 2002.
- LAM GIANG NGUYỄN QUANG TRÚ; *Vua Quang Trung*; Sài Gòn, nxb Thanh Niên, 2001.
- NGÔ GIA VĂN PHÁI; *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*, bản dịch của Nguyễn Đức Vân và Kiều Thu Hoạch; Hà Nội, nxb Văn Học, 2001.
- NGÔ VĨ LIÊN; *Tên Làng Xã và Địa Dư Các Tỉnh Bắc Kỳ*; Hà Nội, nxb Văn Hóa Thông Tin, 1999.
- PHẠM VĂN SON; *Việt Sử Tân Biên*, Quyển 3; Sài Gòn, Tác giả xuất bản, 1959.
- TRẦN TRỌNG KIM; *Việt Nam Sử Lược*, in lần thứ 7; Sài Gòn, nxb Tân Việt, 1964.
- VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM; *Tên Làng Xã Việt Nam Đầu Thế Kỷ Thứ XIX*, Dương Thị The - Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1981.
- VỤ BẢO TỒN BẢO TÀNG; *Niên Biểu Việt Nam*; Hà Nội, nxb Khoa Học Xã Hội, 1984.

### MỤC LỤC

Dẫn nhập . . . . .	Trang 01
1 - Thế phục hồi . . . . .	- 01
<i>H 1: Thế phục hồi trong quân đội Tây Sơn trong cuộc hành quân ra Bắc</i>	01



